

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 5 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Phong.
2. Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thúy H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Cái N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Cái N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thúy H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu anh chị sống với nhau hạnh phúc, được một thời gian chung sống chị với anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị H nhận thấy chị với anh T không thể chung sống với nhau được nữa, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Cao Huỳnh T, sinh ngày 04/6/2009. Khi ly hôn nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Cao Văn T: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị H và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung. Đối với con chung, hiện cháu đang sống với anh T, khi ly hôn chị H đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo chị H xác định quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Đối với anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị H cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, xét thấy: Hiện cháu T đang sống cùng với anh T, đồng thời tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với cha là anh T khi cha, mẹ ly hôn, đối với anh T không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao Cao Huỳnh T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, anh T không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thúy H được ly hôn với anh Cao Văn T.
2. Về con chung: Giao Cao Huỳnh T, sinh ngày 04/6/2009 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thúy H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011507 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã H, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

